TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Hà

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1987 *(xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 23, tổ 2, khu vực X, phường S, quận P, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư ***Nguyễn Văn L*** – Công ty Luật TNHH MTV Khôi L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. *(xin xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 194 Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận P, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1987 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 23, tổ 2, khu vực X, phường S, quận P, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:

Cháu **Nguyễn Minh Phúc**, sinh ngày: 30/6/2015 *(xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 23, tổ 2, khu vực X, phường S, quận P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Qua thời gian tìm hiểu và được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên ông với bà Nguyễn Thị Đ tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2015, quyển số: I/2015 ngày 05/01/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày: 30/6/2015. Nhưng về sau thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cải nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tự hàn gắn. Đến tháng 10 năm 2019, ông với bà Nguyễn Thị Đ phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều, bà Đào bỏ lại cháu Nguyễn Minh T cho ông nuôi dưỡng và đi đâu không rõ; ông đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả nên Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đã tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị Đ theo Quyết định số: 12/2022/QĐST-VDS ngày 29/7/2022.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa ông với bà Nguyễn Thị Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ;

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày: 30/6/2015 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt và đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 12/2022/QĐST-VDS ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

** Người có quyền và lợi ích được bảo vệ, cháu Nguyễn Minh T có bản tự khai với nội dung:* Cháu là con chung của ông Nguyễn Văn Có với bà Nguyễn Thị Đ; hiện nay cha mẹ cháu đang tranh chấp ly hôn và cháu có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Nguyễn Văn C. Do bận đi học nên cháu xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt và đã được tuyên bố mất tích.

Luật sư Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C trong vụ án ly hôn, nuôi con khi ly hôn với nội dung:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp. Ông Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Đ đã được tuyên bố mất tích nên đề nghị áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân

giữa ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn C với bà Nguyễn Thị Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Đào đã được tuyên bố mất tích cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn C với bà Nguyễn Thị Đ có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày: 30/6/2015; bà Đào đã bỏ địa phương đi để lại cháu T sống với ông C, cháu T có nguyện vọng được sống với ông C là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C nên đề nghị chấp nhận và bà Đào không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Nguyên đơn, người có quyền và lợi ích được bảo vệ và người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã mất tích nên đề nghị căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 01 người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn có đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; bị đơn đã bỏ nhà đi, đã được Tòa án tuyên bố mất tích cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Nguyên đơn với bị đơn có với nhau 01 người con chung; nguyên đơn có yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và bị đơn đã mất tích nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn,

nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, người có quyền và lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tuyên bố mất tích và vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, bị đơn đã bỏ địa phương đi từ năm 2019 cho đến nay, đã được tuyên bố mất tích nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, bị đơn đã bỏ địa phương đi đâu không rõ đã hơn 02 năm và đã được tuyên bố mất tích cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn và Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày: 30/6/2015. Từ khi bị đơn bỏ nhà đi, cháu T sống chung với nguyên đơn, do nguyên đơn chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu T có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày: 30/6/2015 cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung. Giao con chung tên Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày: 30/6/2015 cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với bà Nguyễn Thị Đ không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002809 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quí

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.